TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 06-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Quang

2. Ông Võ Tự Trị

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quốc T**. Địa chỉ: Lô A, KCN T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. (Quyết định ủy quyền ngày 25/8/2023) (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Thanh T1**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đoàn Thanh S**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (có ông Trần Quốc T đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 09/02/2015, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh C – Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) có giải quyết cho bà Phạm Thị Thanh T1 vay vốn theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế nước nhận nợ ngày 22/12/2014 được duyệt ngày 04/02/2015 với số tiền vay: 10.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng (Từ 09/02/2015 đến hạn ngày 09/02/2016); Lãi suất: 10,2 %/năm (360 ngày) tương đương 0,85%/tháng; Lãi quá hạn: 15,3 %/năm (360 ngày) tương đương 1,28%/tháng; Số tiền góp hàng tháng (kỳ): các tháng đầu: 918.000 đồng/tháng, tháng cuối: 922.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn buôn bán; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp (không có tài sản đảm bảo); Người bảo lãnh: Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần động viên nhắc nhở và tạo mọi điều kiện thuận lợi để bà T1 thanh toán số tiền đã chiếm dụng và lãi phát sinh cho Ngân hàng nhưng bà T1 không thực hiện và đã vi phạm hợp đồng.

- Ngày bắt đầu chậm thanh toán nợ: 09/4/2015.

- Ngày chuyển sang nợ quá hạn: 09/4/2015.

Tổng số tiền bà T1 đã thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 18/01/2024 là 9.580.000 đồng, trong đó vốn (gốc): 8.599.231 đồng, lãi trong hạn: 980.769 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng số tiền bà T1 còn phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 18/01/2024 là 3.672.074 đồng, trong đó vốn (gốc): 1.400.769 đồng, lãi trong hạn: 39.231 đồng, lãi quá hạn: 2.232.074 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu buộc bà Phạm Thị Thanh T1 thanh toán nợ vay (vốn và lãi) cho Ngân hàng tổng số tiền là 3.672.074 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.400.769 đồng, lãi trong hạn: 39.231 đồng, lãi quá hạn: 2.232.074 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 19/01/2024 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế nước nhận nợ ngày 22/12/2014 được duyệt ngày 04/02/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không yêu cầu ông Đoàn Thanh S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự hợp lệ đối với bị đơn bà Phạm Thị Thanh T1 và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh S để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà T1 và ông S vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn: Ngày 17/02/2022 bà Phạm Thị Thanh T1 thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) và ngày 02/01/2024 bà T1 thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) thì ngưng thanh toán cho đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu bà T1 phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/3/2024 là 3.392.699 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng) (Trong đó, nợ gốc: 1.100.769 đồng, lãi trong hạn: 39.231 đồng, lãi quá hạn: 2.252.699 đồng) và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 07/3/2024 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế nước nhận nợ ngày 22/12/2014 được duyệt ngày 04/02/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ vay. Nguyên đơn không yêu cầu ông Đoàn Thanh S có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thanh T1 trả tiền nợ vay căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế nước nhận nợ ngày 22/12/2014 được duyệt ngày 04/02/2015 (còn gọi là hợp đồng tín dụng). Theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đồng ý cấp tín dụng cho bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất trong hạn là 10,2%/năm (0,85%/tháng), lãi quá hạn: 15,3 %/năm (360 ngày) tương đương 1,28%/tháng; Số tiền góp hàng tháng (kỳ): các tháng đầu: 918.000 đồng/tháng, tháng cuối: 922.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn buôn bán; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp (không có tài sản đảm bảo).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 28/02/2015 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vào ngày 17/01/2022 Ngân hàng có lập Biên bản làm việc với bà T1, bà T1 thừa nhận nợ và cam kết ngày 17 hàng tháng sẽ nộp số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) cho đến khi hết nợ. Đến ngày 17/02/2022 bà T1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) và ngày 02/01/2024 bà T1 thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) thì ngưng thanh toán cho đến nay. Tổng số tiền vốn và lãi bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng là 9.880.000 đồng (Chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) (Trong đó, vốn gốc là 8.899.231 đồng, lãi trong hạn là 980.769 đồng, lãi quá hạn là 0 đồng).

Như vậy, đây là cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng là sự thật.

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức thoả mãn các điều kiện được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong quá trình vay vốn, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

Tính đến ngày 06/3/2024 bà T1 còn nợ Ngân hàng là 3.392.699 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc: 1.100.769 đồng, lãi trong hạn: 39.231 đồng, lãi quá hạn: 2.252.699 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là tổ chức tín dụng có chức năng cho vay và được Ngân hàng N xét duyệt. Theo đó, việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là không trái quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không yêu cầu ông Đoàn Thanh S là người bảo lãnh có trách nhiệm trả nợ. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91; Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thanh T1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền là 3.392.699 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc: 1.100.769 đồng, lãi trong hạn: 39.231 đồng, lãi quá hạn: 2.252.699 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/3/2024), bà Phạm Thị Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm khế nước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004371 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng